TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2020.
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Trung Úy**; bà **Chu Thị Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Nông Thùy D, sinh năm 1980. HKTT và cư trú: Tổ 12, thôn X, xã T, huyện C, Hà Nội. Có mặt.

Nghề nghiệp: Công nhân.

2. **Bị đơn**: Anh Nguyễn Công Nh, sinh năm 1980. HKTT và cư trú: Thôn C, xã T, huyện C, Hà Nội. Anh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2019, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nông Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công Nh có tìm hiểu một năm và hai bên tự nguyện kết hôn vào ngày 05/12/2003 tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chị chung sống có nhiều mâu thuẫn cãi vã; anh Nh đánh chị không quan tâm đến chị và hai con. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 4/2014 đến nay. Nay

chị xác định tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Chị và anh Nh có hai con chung là Nguyễn Công Tuấn H, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Công Ng, sinh ngày 05/02/2012. Nếu được ly hôn chị xin được nuôi hai con và yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 3.000.000 đồng/tháng/02cháu; mỗi cháu là 1.500.000đồng.

Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty áo mưa T – đóng tại xã T, huyện C; Thu nhập bình quân một tháng là 5.000.000 đồng. Hiện chị đang chung sống nhờ ở nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện C.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Nguyễn Công Nh trình bày**: Anh và chị Nông Thùy D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2003 tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh có mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể cứu vãn được và anh nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung là Nguyễn Công Tuấn H, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Công Ng, sinh ngày 05/02/2012.

Khi ly hôn thì anh có nguyện vọng là hai con muốn ở với ai thì anh nhất trí. Nếu hai con ở với chị D thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với chị D là 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Nguyên vọng của cháu Nguyễn Công Tuấn H và Nguyễn Công Ng đều muốn ở với mẹ là chị D.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị được nuôi hai con chung sau khi ly hôn; yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị D được ly hôn anh Nh. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Công Tuấn H và Nguyễn Công Ng cho chị D

chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị D là 1.500.000đồng/01cháu/01tháng cho đến khi hai cháu trường thành. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị D, anh Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Nông Thùy D có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Công Nh về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh Nguyễn Công Nh hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Nguyễn Công Nh có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thùy D và anh Nguyễn Công Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2003 tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh Nh thì thấy: Chị D cho rằng vợ chồng nhiều mẫu thuẫn dẫn đến cãi nhau, đánh nhau và đã ly thân từ tháng 04/2014 đến nay. Anh Nh trình bày vợ chồng mẫu thuẫn và nhất trí ly hôn; bản thân anh Nh không đến tham gia phiên hòa giải của Tòa án để khắc phục quan hệ hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị D được ly hôn với anh Nh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh Nh có hai con chung là Nguyễn Công Tuấn H, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Công Ng, sinh ngày 05/02/2012

Xét nghĩa vụ nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con; anh Nh có quan điểm các con có nguyện vọng ở với bố

hoặc mẹ thì anh cũng nhất trí. Cháu H và cháu Ng đều muốn ở với mẹ và hiện đều đang được chị D chăm sóc nên để ổn định cuộc sống của các cháu xét thấy giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu là hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị D là 1.500.000đồng/cháu/tháng và chị D cũng nhất trí nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Nh.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D và anh Nh đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nông Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Anh Nguyễn Công Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Nông Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Công Nh.

2. Về con chung: Chị Nông Thùy D và anh Nguyễn Công Nh có hai con chung là Nguyễn Công Tuấn H, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Công Ng, sinh ngày 05/02/2012.

Giao cháu Nguyễn Công Tuấn H, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Công Ng, sinh ngày 05/02/2012 cho chị Nông Thùy D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Anh Nguyễn Công Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung : Anh Nguyễn Công Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với chị Nông Thùy D là 1.500.000 đồng/cháu/tháng kể từ tháng 02/2020 cho đến khi cháu H và cháu Ng đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Chị Nông Thùy D phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2015/0004361 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 25/11/2019.

Anh Nguyễn Công Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã T (Số 88/2003);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai